CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy

Ngày 30/06/2025	21,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**2.1%**	**-0.7%**

DT thuần
Q2/25
9.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.18| -30.7%
YoY: ▼5.38| -36.3%

LN thuần
Q2/25
40.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.6| 281%
YoY: ▲ 27.3| 213%

LN sau thuế
Q2/25
0.05
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.14| -73.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
788%
YoY: +/-▲ 327%

ROE (TTM)
Q2/25
0.1%
YoY: +/-▼ 0.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,400 - 25,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,188
Số lượng CPLH (CP)	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,735
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.40
EPS	10
P/E	2094.0

DT thuần
6T 2025
23.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.5| -45.7%

LN thuần
6T 2025
50.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.7| 156%

LN sau thuế
6T 2025
0.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.13| -56.3%

Cơ cấu sở hữu

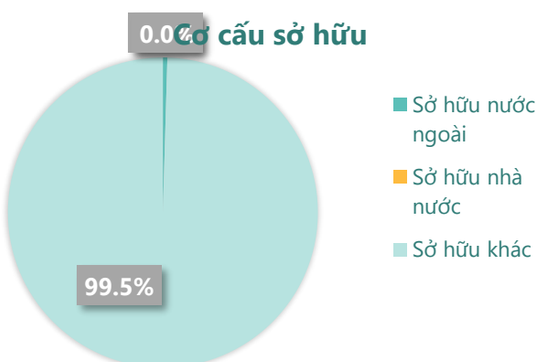

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

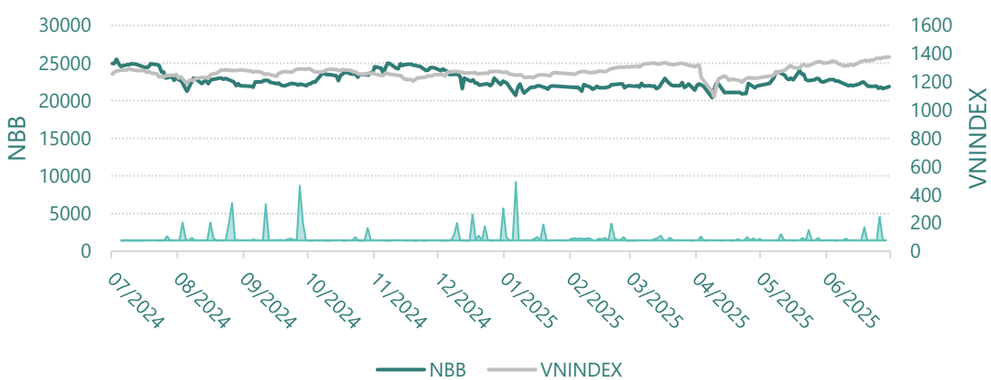

Cơ cấu cổ đông

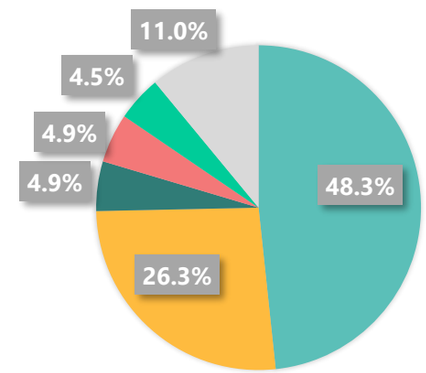

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII
- CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
- Nguyễn Thị Thu Hiền
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Đại Dũng
- Nguyễn Văn Thịnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

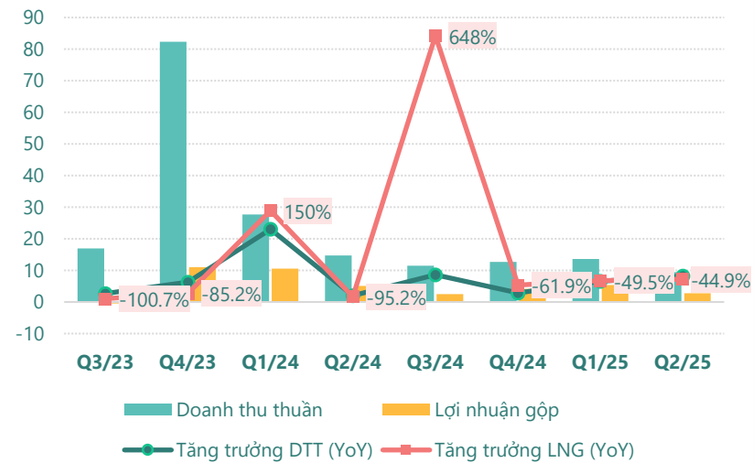

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

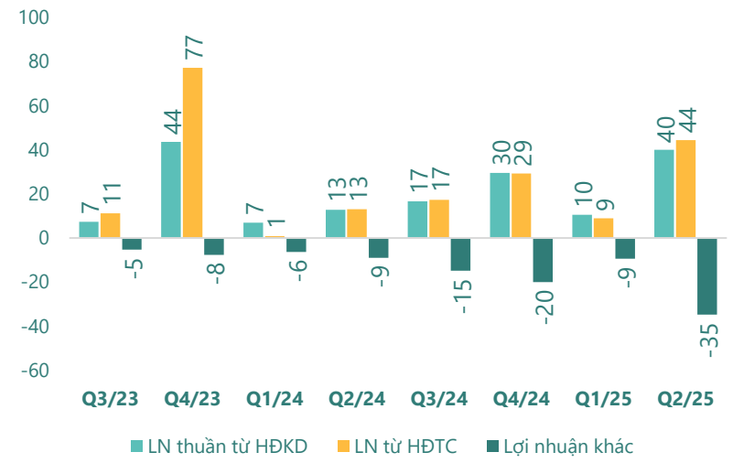

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

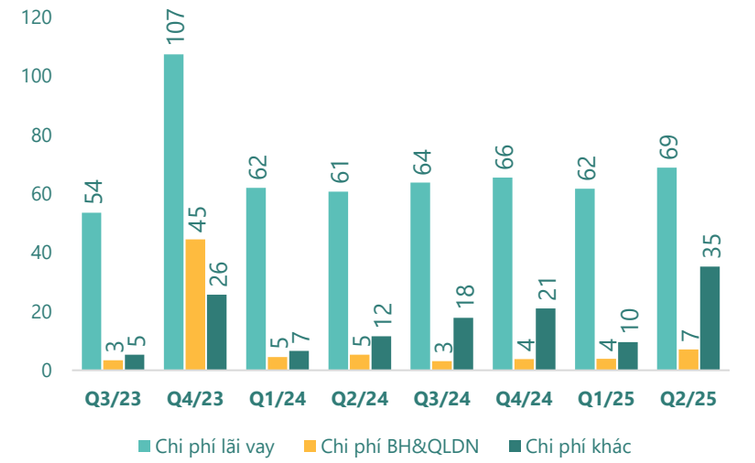

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

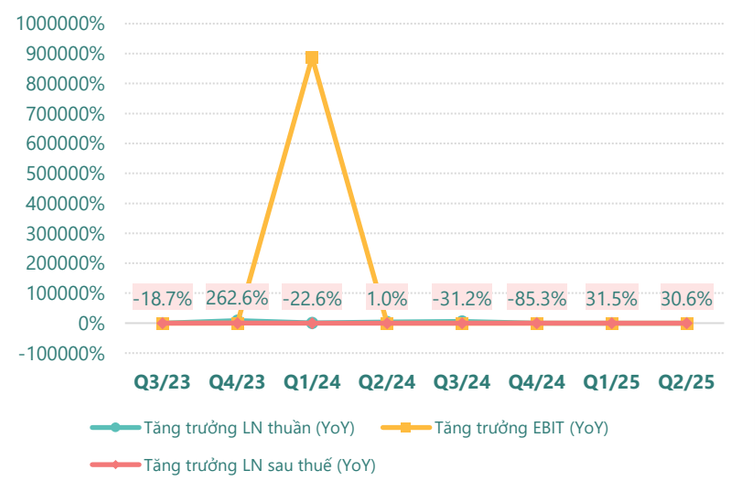

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

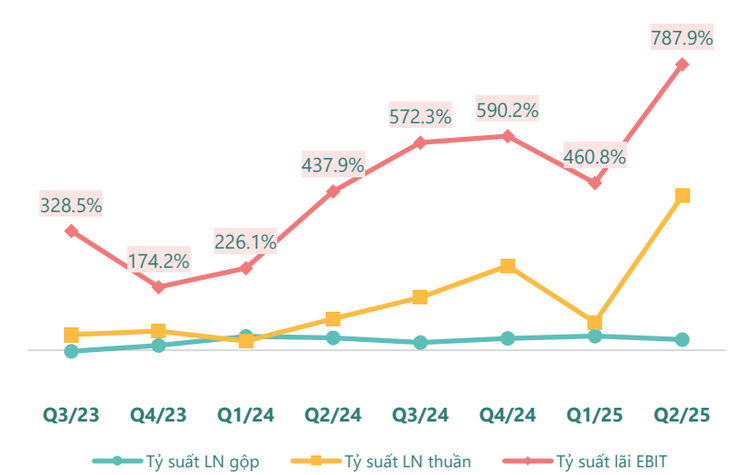

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

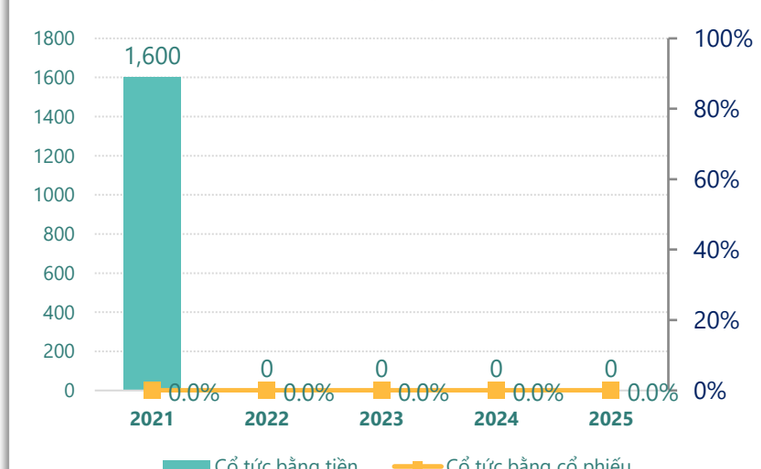

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

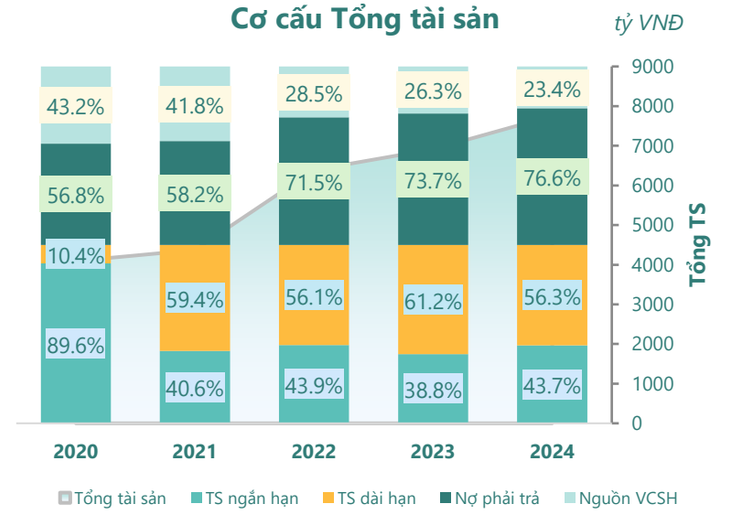

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

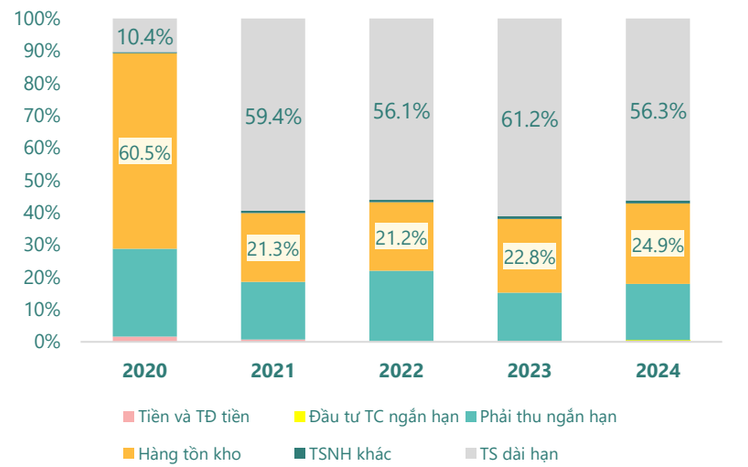

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

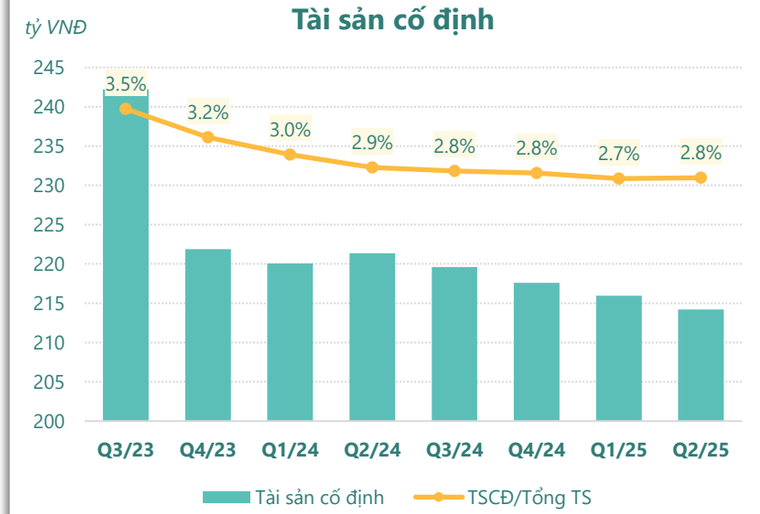

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

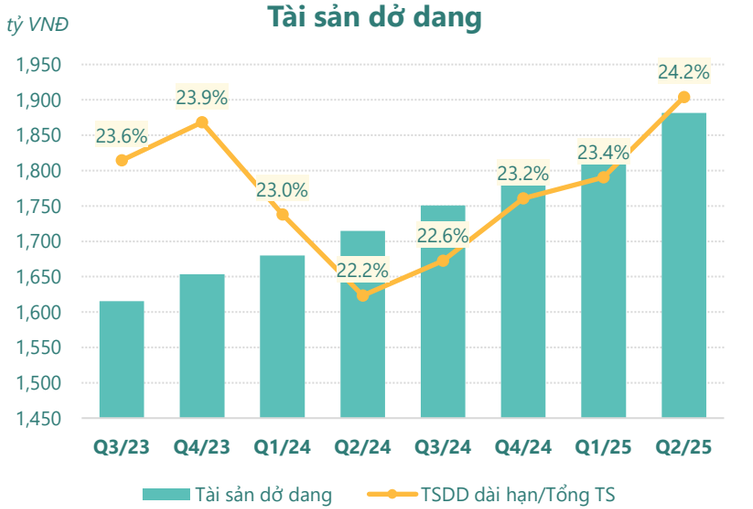

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

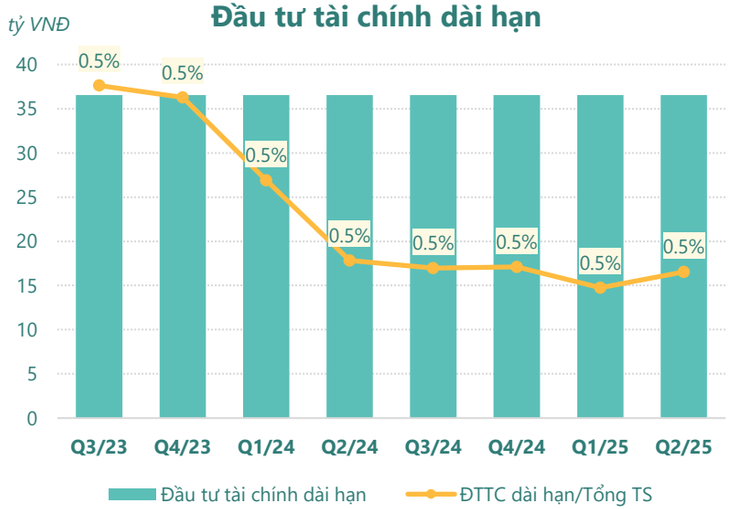

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

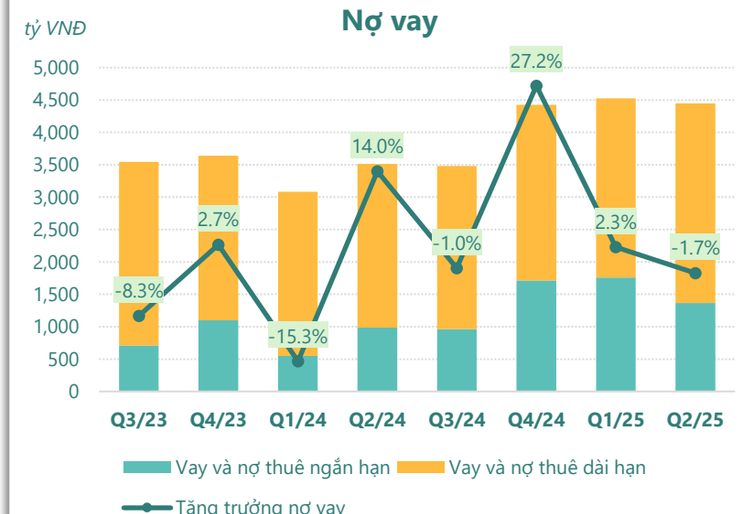

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

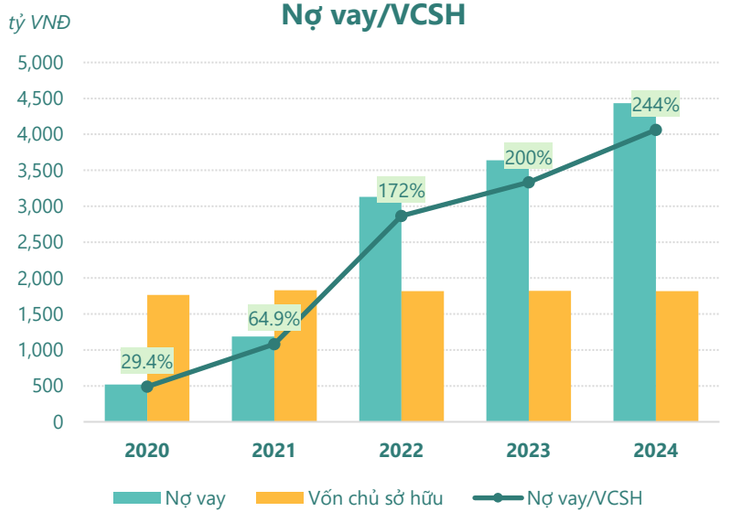

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

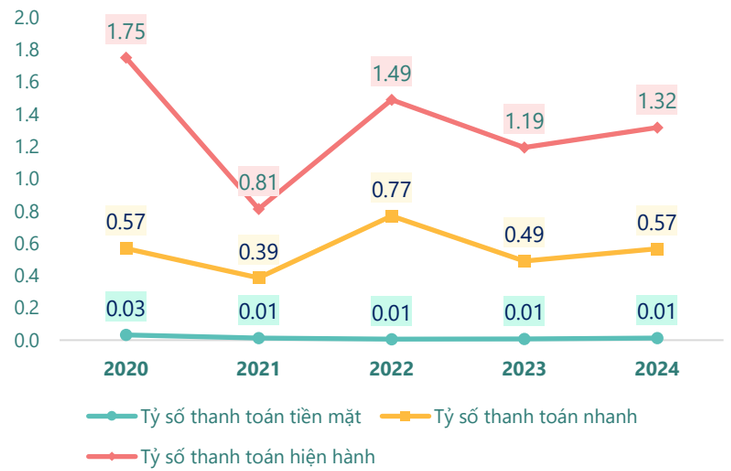

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

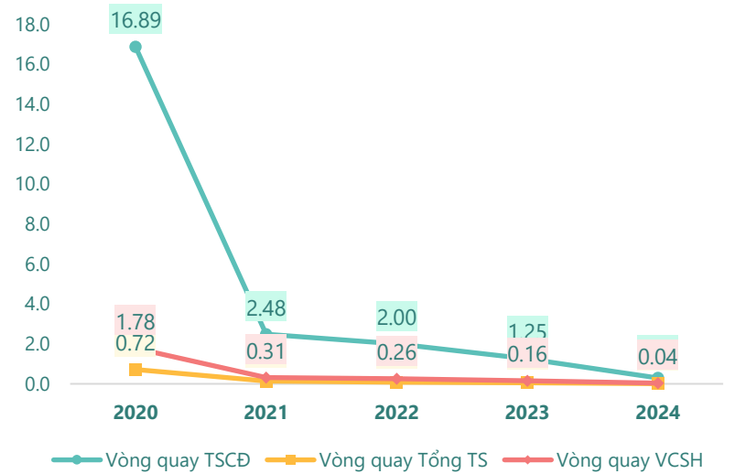

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

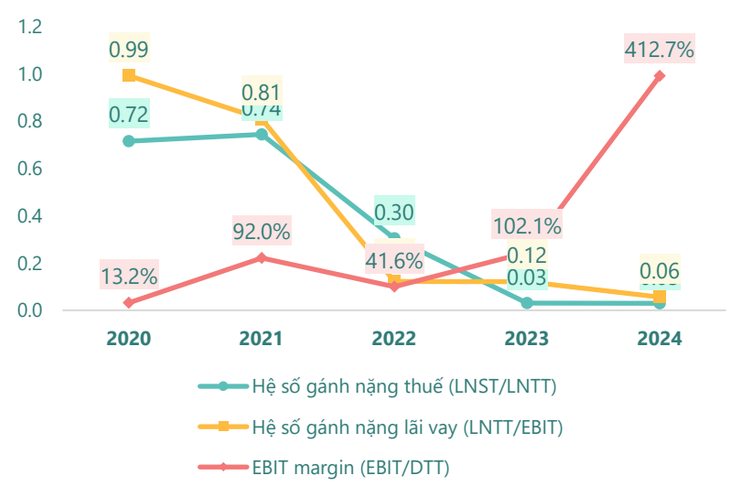

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

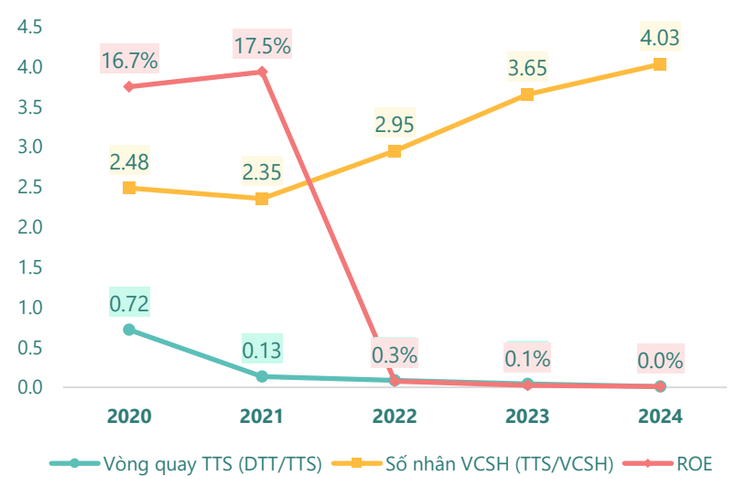

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

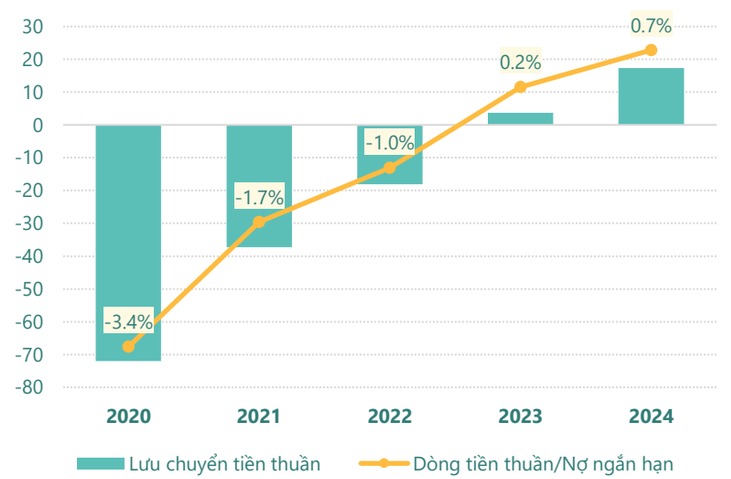

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.42**	**14.8**	**-36.3%**	**23.0**	**42.5**	**-45.7%**
Giá vốn hàng bán	6.62	9.68	-31.6%	14.9	26.8	-44.4%
Lợi nhuận gộp	2.80	5.08	-44.9%	8.15	15.7	-48.0%
Doanh thu HĐTC	115	76.0	51.3%	186	139	34.2%
Chi phí TC	70.7	62.9	12.3%	133	125	6.5%
Chi phí lãi vay	68.9	60.8	13.3%	131	123	6.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.01	0.38	-98.4%	0.61	0.92	-33.6%
Chi phí QLDN	**7.08**	**4.91**	**44.2%**	**10.3**	**8.89**	**16.2%**
LN thuần từ HĐKD	40.1	12.8	213%	50.5	19.8	156%
Lợi nhuận khác	**-34.7**	**-8.97**	**-287%**	**-44.1**	**-15.3**	**-188%**
LN trước thuế	5.34	3.88	37.5%	6.39	4.47	43.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.05**	**0.19**	**-73.9%**	**0.10**	**0.23**	**-56.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.11**	**0.25**	**-57.3%**	**0.23**	**0.35**	**-34.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-211	-192	-346	22.6	-148	-205
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-272	-224	182	78.1	47.0	281
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	484	424	146	-74.3	95.0	-78.0
Tiền đầu kỳ	15.7	16.8	24.5	6.76	33.1	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	**1.08**	**7.75**	**-17.8**	**26.4**	**-5.85**	**-2.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.8	24.5	6.76	33.1	27.3	25.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,783**	**7,754**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	3,341	3,390	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	25.3	33.1	-23.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.00	9.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,206	1,345	-10.3%
Hàng tồn kho	2,018	1,932	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	83.8	70.7	18.5%
Tài sản dài hạn	**4,441**	**4,364**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	1,996	2,008	-0.6%
Tài sản cố định	214	218	-1.6%
Bất động sản đầu tư	23.4	24.0	-2.6%
Tài sản dở dang	1,882	1,796	4.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**258**	**248**	**4.0%**
Lợi thế thương mại	32.0	34.0	-5.9%
Nợ phải trả	5,965	5,936	0.5%
Nợ ngắn hạn	**2,186**	**2,572**	**-15.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,366	1,718	-20.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.4	96.0	-2.7%
Nợ dài hạn	3,778	3,363	12.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,083	2,714	13.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**0.0%**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)